

DANH MỤC
THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỔ HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 2167/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
I	Lĩnh vực: khám bệnh, chữa bệnh (13 TTHC)				
1.	1.012289.000.0 0.17.H59	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Đơn theo Mẫu 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định Giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp Bản sao hợp lệ của một hoặc nhiều các giấy tờ sau đây (không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia	000.00.00.G18-KQ004610 000.00.00.G18-KQ004626 000.00.00.G18-KQ004622 000.00.00.G18-KQ004624 000.00.00.G18-KQ004628	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			vê y tế): - Giấy chứng nhận lương y; - Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền; - Giấy chứng nhận phương pháp chữa bệnh gia truyền.		khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ quyết định thu hồi giấy phép hành nghề	000.00.00.G18-KQ004621	
			Sơ yếu lý lịch tự thuật của người hành nghề theo Mẫu 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004615	
			Giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch của người phiên dịch theo quy định tại Điều 139 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP đối với trường hợp người nước ngoài không biết tiếng Việt thành thạo	000.00.00.G18-KQ004614	
			Giấy chứng nhận biết tiếng Việt thành thạo theo quy định tại Điều 138 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004625	
			Trường hợp đề nghị cấp giấy phép hành nghề với phạm vi hành nghề chuyên khoa ngoài giấy tờ quy định tại điểm b khoản này phải nộp thêm bản sao hợp lệ của một trong các văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 1 Điều 127 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004623	
			Văn bằng chuyên môn (không áp dụng đối với trường hợp văn bằng chuyên môn đã được kết	000.00.00.G18-KQ004611	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			nội, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế		
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định người hành nghề đã có đủ năng lực hành vi dân sự hoặc không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc không còn hạn chế năng lực hành vi dân sự	000.00.00.G18-KQ004621	
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách hoặc giấy chứng nhận chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án	000.00.00.G18-KQ004621	
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận người hành nghề không có tội hoặc không thuộc trường hợp bị cấm hành nghề đối với trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng đã có văn bản kết luận không có tội, không thuộc trường hợp bị cấm hành nghề	000.00.00.G18-KQ004621	
			Hai ảnh màu 04 cm x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn	000.00.00.G18-KQ004627	
			Kết quả giải quyết: giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G18.000135	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	1.012290.000.00.17.H59	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ quyết định thu hồi giấy phép hành nghề (không áp dụng đối với trường hợp quyết định thu hồi giấy phép hành nghề đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế)	000.00.00.G18-KQ004349	000.00.00.G18-KQ004624
			a) Đơn theo Mẫu 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.	000.00.00.G18-KQ004610	
			c) Một trong các giấy tờ sau đây: - Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận người hành nghề không có tội hoặc không thuộc trường hợp bị cấm hành nghề đối với trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng đã có văn bản kết luận không có tội, không thuộc trường hợp bị cấm hành nghề (khoản 1 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh); - Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách hoặc giấy chứng nhận chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án (khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh); - Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định người hành nghề đã có đủ năng lực hành vi dân sự hoặc không có khó khăn trong	000.00.00.G18-KQ004635	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			nhận thức, làm chủ hành vi hoặc không còn hạn chế năng lực hành vi dân sự (khoản 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh);		
			h) 02 ảnh chân dung cỡ 04 cm x 06 cm, chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề (không áp dụng đối với trường hợp người nộp hồ sơ đã đăng tải ảnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).	000.00.00.G18-KQ004617	
			b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ quyết định thu hồi giấy phép hành nghề (không áp dụng đối với trường hợp quyết định thu hồi giấy phép hành nghề đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế); c) 02 ảnh chân dung cỡ 04 cm x 06 cm, chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề (không áp dụng đối với trường hợp người nộp hồ sơ đã đăng tải ảnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).	000.00.00.G18-KQ004639	
			Sơ yếu lý lịch tự thuật của người hành nghề theo Mẫu 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (không áp dụng	000.00.00.G18-KQ004425	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			đôi với trường hợp lý lịch của người hành nghề đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế);		
			b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản xác nhận đã được cơ quan cấp phép thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề trong đó nêu rõ số giấy phép hành nghề, ngày cấp, nơi cấp, thông tin cá nhân, chức danh chuyên môn, phạm vi hành nghề;	000.00.00.G18-KQ004643	
			c) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp (không áp dụng đối với trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế) hoặc bản sao hợp lệ giấy phép lao động đối với trường hợp phải có giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;	000.00.00.G18-KQ004644	
			quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề (không áp dụng đối với trường hợp người nộp hồ sơ đã đăng tải ảnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).	000.00.00.G18-KQ004645	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Kết quả: Giấy phép hành nghề	KQ.G18.000135	
3.	1.012292.000.0 0.17.H59	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Đơn theo Mẫu 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004464	
			Văn bằng đào tạo theo quy định tại điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 1 Điều 127 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004653	
			Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004653	
			Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo theo quy định tại điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 1 Điều 127 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004656	
			Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã cấp (không áp dụng đối với trường hợp giấy phép hành nghề đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế) hoặc chứng chỉ hành nghề được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024	000.00.00.G18-KQ004652	
			Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền hoặc giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	000.00.00.G18-KQ004659	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định	000.00.00.G18-KQ004657	
			Kết quả giải quyết: giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G18.000146	
4.	1.012256.000.0 0.17.H59	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành.	Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành thực hiện theo Mẫu 01	000.00.00.G18-KQ004269	
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố	KQ.G18.000022	
5.	1.012257.000.0 0.17.H59	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Đơn đề nghị cho phép khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc khám bệnh, chữa bệnh lưu động theo Mẫu 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004272	
			Văn bản cho phép của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc của người đứng đầu địa điểm nơi dự kiến tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.	000.00.00.G18-KQ004276	
			Kế hoạch tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc khám bệnh, chữa bệnh lưu động theo Mẫu 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004279	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bản sao hợp lệ văn bản, chứng chỉ chuyên môn của người trực tiếp tham gia khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thuộc diện phải có giấy phép hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh	000.00.00.G18-KQ004274	
			Bản kê khai danh sách các thành viên tham gia khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc khám bệnh, chữa bệnh lưu động theo Mẫu 02 Phụ lục IV Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật kèm theo bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề của người được phân công là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của đoàn khám	000.00.00.G18-KQ004273	
			Kết quả giải quyết: văn bản cho phép khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	KQ.G18.000088	
6.	1.012262.000.00.17.H59	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Văn bản đề nghị xếp cấp	000.00.00.G18-KQ004327	
			Các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng điểm số đạt được	000.00.00.G18-KQ004329	
			Các tài liệu khác có liên quan	000.00.00.G18-KQ004330	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bảng tự chấm điểm theo tiêu chí và nội dung đánh giá quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004328	
			Kết quả giải quyết: Quyết định		
7.	1.012275.000.0 0.17.H59	Đăng ký hành nghề	Danh sách đăng ký hành nghề	000.00.00.G18-KQ004545	
			Danh sách đăng ký hành nghề đã bổ sung theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004548	
			báo cáo ...	000.00.00.G18-KQ004547	
			Kết quả giải quyết: không	KQ.G18.000139	
8.	1.012276.000.0 0.17.H59	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Đơn đề nghị.	000.00.00.G18-KQ004549	
			Giấy phép hành nghề.	000.00.00.G18-KQ004550	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Kết quả giải quyết: Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G18.000140	
9.	1.012281.000.0 0.17.H59	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe hoặc khám và điều trị HIV/AIDS theo Mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004577	
			Danh sách nhân sự và thiết bị y tế bảo đảm thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS theo Mẫu 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004579	
			Bản sao hợp lệ hợp đồng hỗ trợ chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có)	000.00.00.G18-KQ004580	
			Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh kèm theo danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	000.00.00.G18-KQ004578	
			Kết quả giải quyết: văn bản về việc công bố	KQ.G18.000142	
10.	1.012278.000.0 0.17.H59	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004566	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Văn bản do cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bệnh viện của nhà nước hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện tư nhân theo Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004559	
			Tài liệu chứng minh nguồn tài chính cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	000.00.00.G18-KQ004567	
			Trường hợp đề nghị cấp lần đầu giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không vì mục đích lợi nhuận thì phải có tài liệu chứng minh nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc hoạt động khám bệnh, chữa bệnh không vì mục đích lợi nhuận	000.00.00.G18-KQ004561	
			Danh sách ghi rõ họ tên, số giấy phép hành nghề của từng người hành nghề đăng ký hành nghề tại cơ sở đó theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004558	
			Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	000.00.00.G18-KQ004560	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài	000.00.00.G18-KQ004554	
			Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	000.00.00.G18-KQ004555	
			Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động đã cấp	000.00.00.G18-KQ004565	
			Bản kê khai cơ sở vật chất, danh mục thiết bị y tế, danh sách nhân sự đáp ứng điều kiện cấp giấy phép hoạt động tương ứng với từng hình thức tổ chức theo Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó	000.00.00.G18-KQ004564	
			Kết quả giải quyết: Giấy Phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G11.000040	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11.	1.012279.000.0 0.17.H59	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004570	
			Tài liệu chứng minh nội dung, thông tin sai sót cần sửa lại	000.00.00.G18-KQ004571	
			Bản sao bị mất hoặc bản gốc giấy phép hoạt động bị hư hỏng (nếu có).	000.00.00.G18-KQ004569	
			Kết quả giải quyết: Giấy Phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G11.000040	
12.	1.012280.000.0 0.17.H59	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ004572	
			Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế và hồ sơ nhân sự tương ứng với quy mô hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc danh mục kỹ thuật dự kiến thay đổi và các tài liệu minh chứng đáp ứng việc thay đổi	000.00.00.G18-KQ004576	
			Bản gốc giấy phép hoạt động	000.00.00.G18-KQ004575	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Kết quả giải quyết: Giấy Phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G11.000040	
13.	1.003800.000.0 0.17.H59	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 10/2016/NĐ-CP.	000.00.00.G18-KQ2295	
			Hai ảnh 04 x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn.	000.00.00.G18-KQ2296	
			Kết quả giải quyết: Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	KQ.G11.000039	
II Lĩnh vực: Dược (14 TTHC)					
1.	1.004616.000.0 0.17.H59	Cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề dược nhưng chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ.	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP, 02 ảnh chân dung cỡ 4cm x 6cm của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng;	000.00.00.G18-KQ2700	Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực
			Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận hiện không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không thuộc trường hợp bị cấm hành nghề, cấm làm công việc liên quan đến	000.00.00.G18-KQ2707 Mã thay thế KQ.G15.000007, KQ.G15.000008	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			hoạt động được theo bản án, quyết định của Tòa án do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp		được thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế
			Giấy xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về được đối với trường hợp đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề được quy định tại Khoản 9 Điều 28 của Luật Dược	000.00.00.G18-KQ2705	
			Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ Sở Y tế có thẩm quyền cấp	000.00.00.G18-KQ2702	
			Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn. Đối với các văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải kèm theo bản sao có chứng thực giấy công nhận tương đương của cơ quan có thẩm quyền về công nhận tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2701	
			Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	000.00.00.G18-KQ2706	
			Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận thời gian thực hành theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP; Trường hợp thực hành tại nhiều cơ sở, thời gian thực hành được tính là tổng thời gian thực hành tại các cơ sở nhưng phải có Giấy xác nhận thời gian thực hành của từng cơ sở đó	000.00.00.G18-KQ2703	
			Kết quả giải quyết: Chứng chỉ hành nghề dược	KQ.G18.000010	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	1.004604.000.0 0.17.H59	Cấp chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng minh nhân dân bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề dược	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2688	
			02 ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược trong thời gian không quá 06 tháng	000.00.00.G18-KQ2688	
			Kết quả giải quyết: Chứng chỉ hành nghề dược	KQ.G18.000010	
3.	1.004593.000.0 0.17.H59	Cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ1495	
			Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật sau: a) Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; b) Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa	000.00.00.G18-KQ2671	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;		
			Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở	000.00.00.G18-KQ1497	
			Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	000.00.00.G18-KQ1498	
			+ Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	000.00.00.G18-KQ2671	
			+ Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế	000.00.00.G18-KQ2671	
			+ Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			thuộc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự	000.00.00.G18-KQ2671	
			Kết quả giải quyết: Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược	KQ.G18.000014	
4.	1.004585.000.00.17.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ1495	
			Tài liệu bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật tương ứng với điều kiện kinh doanh thay đổi sau:	000.00.00.G18-KQ2660	
			Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở	000.00.00.G18-KQ2661	
			Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	000.00.00.G18-KQ2662	
			+ Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của	000.00.00.G18-KQ2660	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		được liệu, thuốc cổ truyền).	Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế		
			+ Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	000.00.00.G18-KQ2660	
			+ Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	000.00.00.G18-KQ2660	
			Kết quả giải quyết: Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược	KQ.G18.000014	
5.	1.004571.000.00.17.H59	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	000.00.00.G18-KQ2477	
			Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở	000.00.00.G18-KQ2479	
			Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược đối với các trường hợp thay đổi vị trí công việc yêu cầu phải có Chứng chỉ hành nghề dược	000.00.00.G18-KQ2647	
			Kết quả giải quyết: Giấy Chứng nhận đủ điều kiện		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			kinh doanh Dược	KQ.G18.000014	
6.	1.002292.000.0 0.17.H59	Duy trì chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP).	Đơn đề nghị đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng GDP theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BYT	000.00.00.G18-KQ1374	
			Tài liệu kỹ thuật cập nhật về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự của cơ sở phân phối (nếu có thay đổi);	000.00.00.G18-KQ1375	
			Báo cáo tóm tắt về hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc của cơ sở trong thời gian 03 năm gần nhất tính từ thời điểm đánh giá liền trước (không bao gồm các đợt đánh giá đột xuất, thanh tra, kiểm tra của Bộ Y tế, Sở Y tế) đến ngày đề nghị đánh giá định kỳ	000.00.00.G18-KQ3380	
			Kết quả giải quyết: Giấy Chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP)	KQ.G18.000017	
7.	1.002952.000.0 0.17.H59	Duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP).	Đơn đề nghị đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng GPP theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BYT	000.00.00.G18-KQ1833	
			Tài liệu kỹ thuật cập nhật về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự của cơ sở bán lẻ thuốc (nếu có thay đổi)	000.00.00.G18-KQ2904	
			Báo cáo tóm tắt về hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong thời gian 03 năm gần nhất tính từ thời điểm đánh giá liền trước (không bao gồm các đợt	000.00.00.G18-KQ1835	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			đánh giá đột xuất, thanh tra, kiểm tra của Bộ Y tế, Sở Y tế) đến ngày đánh giá định kỳ		
			Kết quả giải quyết: Giấy Chứng nhận thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	KQ.G18.000015	
8.	1.004596.000.0 0.17.H59	Điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Đối với trường hợp thay đổi thông tin cá nhân của người hành nghề dược phải có giấy tờ chứng minh liên quan đến nội dung thay đổi, gồm một trong các giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hộ khẩu, thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ xác nhận liên quan đến nội dung thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật	000.00.00.G18-KQ2673	Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực KBCB, YDCT, dược, mỹ phẩm, MTYT và DS-KHHGD
			Đối với trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn, yêu cầu các giấy tờ chứng minh nội dung thay đổi sau: Văn bằng chuyên môn tương ứng và giấy xác nhận thời gian thực hành chuyên môn tại cơ sở dược phù hợp	000.00.00.G18-KQ2673	
			Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục I của Nghị định 54/2017/NĐ-CP, có ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược chụp trong thời gian không quá 06 tháng	000.00.00.G18-KQ2536	
			Kết quả giải quyết: Chứng chỉ hành nghề Dược	KQ.G18.000010	
9.	1.004599.000.0	Cấp lại chứng chỉ	Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
	0.17.H59	hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ lục I của Nghị định 54/2017/NĐ-CP, có ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược chụp trong thời gian không quá 06 tháng	000.00.00.G18-KQ2677	thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế
			Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp, trường hợp bị mất phải có cam kết của người đề nghị cấp lại	000.00.00.G18-KQ2911	
			Kết quả giải quyết: Chứng chỉ hành nghề dược	KQ.G18.000010	
10.	1.003613. 000.00.17.H59	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Tài liệu chứng minh biến động của các yếu tố chi phí đầu vào như nguyên liệu, nhiên liệu, tỷ giá, chi phí nhân công, các chi phí khác liên quan để thuyết minh lý do tăng giá và tỷ lệ tăng giá	000.00.00.G18-KQ2144	
			Bảng kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước theo Mẫu số 04 Phụ lục VII của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2143	
			Kết quả giải quyết: văn bản phê duyệt Công bố giá thuốc kê khai lại	KQ.G18.000022	
11.	1.003963.000.0 0.17.H59	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Đơn đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc theo Mẫu số 02 Phụ lục VI của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2410	Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
			Tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung thông tin thuốc đề nghị xác nhận (nếu có) (Bản	000.00.00.G18-KQ2413	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>sao có đóng dấu của cơ sở đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc đối với tài liệu do Bộ Y tế cấp hoặc bản sao có chứng thực đối với tài liệu không do Bộ Y tế cấp);</p> <p>Nội dung thông tin thuốc (Bản chính và được làm thành 02 (hai) bản);</p> <p>Mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc hiện hành đã được Bộ Y tế phê duyệt</p> <p>Giấy ủy quyền của cơ sở đăng ký thuốc cho cơ sở đứng tên trên hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc trong trường hợp ủy quyền</p> <p>Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam đối với cơ sở nước ngoài đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc</p> <p>Chương trình hội thảo giới thiệu thuốc</p> <p>Kết quả giải quyết: Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc</p>	<p>000.00.00.G18-KQ2411</p> <p>000.00.00.G18-KQ2412</p> <p>000.00.00.G18-KQ2415</p> <p>000.00.00.G18-KQ2414</p> <p>000.00.00.G18-KQ2416</p> <p>KQ.G18.000021</p>	<p>Trà Vinh về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực dượcthuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế</p>
12.	1.004087.000.00.17.H59	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người	<p>Đơn đề nghị nhập khẩu thuốc theo Mẫu số 27 Phụ lục III tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có chữ ký của người đề nghị cấp phép nhập khẩu hoặc bản sao có đóng dấu của tổ chức đề nghị</p>	<p>000.00.00.G18-KQ2452</p> <p>000.00.00.G18-KQ2453</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh.	cấp phép nhập khẩu đối với đơn thuốc, số y bạ theo dõi điều trị ngoại trú		
			Kết quả giải quyết: Văn bản cho phép	KQ.G18.000052	
13.	1.004529.000.0 0.17.H59	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất	Văn bản giải thích rõ lý do khi số lượng thuốc đề nghị mua vượt quá 150% so với số lượng sử dụng lần trước	000.00.00.G18-KQ2579	
			(ba) bản Đơn hàng mua thuốc theo Mẫu số 19 Phụ lục II tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2578	
			Kết quả giải quyết: Phiếu tiếp nhận hồ sơ	KQ.G18.000078	
14.	1.004532.000.0 0.17.H59	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc.	Văn bản đề nghị hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, trong đó ghi rõ: - Tên thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Nồng độ, hàm lượng. - Số lượng - Lý do xin hủy - Phương pháp hủy.	000.00.00.G18-KQ2580	
			Kết quả giải quyết: Văn bản cho phép	KQ.G18.000088	
III Lĩnh vực: Mỹ phẩm (03 TTHC)					
1	1.002483.000.0 0.17.H59	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Văn bản đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT	000.00.00.G18-KQ1594	Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch
			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại	000.00.00.G18-KQ1625	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			diện của thương nhân nước ngoài		UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực KBCB, YDCT, dược, mỹ phẩm, MTYT và DS-KHHGD thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế
			Nếu quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có 01 bản ghi nội dung quảng cáo dự kiến trong đĩa hình, đĩa âm thanh, file mềm kèm theo 03 bản kịch bản dự kiến quảng cáo, trong đó miêu tả rõ nội dung	000.00.00.G18-KQ2837	
			Nếu quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo không phải báo nói, báo hình thì phải có 03 bản ma-kết nội dung dự kiến quảng cáo in màu kèm theo file mềm ghi nội dung dự kiến quảng cáo	000.00.00.G18-KQ2838	
			Nếu quảng cáo thông qua hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện: Ngoài các tài liệu quy định tại điểm này phải có các tài liệu: mẫu quảng cáo sử dụng trong chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt còn hiệu lực	000.00.00.G18-KQ2839	
			Mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm đã được cơ quan y tế có thẩm quyền chấp thuận trong trường hợp pháp luật quy định nhãn sản phẩm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền duyệt	000.00.00.G18-KQ2840	
			Văn bản ủy quyền hợp lệ	000.00.00.G18-KQ2841	
			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài của đơn vị được ủy quyền	000.00.00.G18-KQ2841	
			Các tài liệu bằng tiếng Anh phải dịch ra tiếng	000.00.00.G18-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Viết kèm theo tài liệu gốc bằng tiếng Anh. Bản dịch tiếng Việt phải được đóng dấu xác nhận của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo	KQ2842	
			Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài không phải là tiếng Anh phải dịch ra tiếng Việt và kèm theo tài liệu gốc bằng tiếng nước ngoài. Bản dịch tiếng Việt phải được công chứng theo quy định của pháp luật	000.00.00.G18-KQ2842	
			Các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phải còn hiệu lực, là bản sao chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo. Các tài liệu trong hồ sơ phải có dấu, dấu giáp lai của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo	000.00.00.G18-KQ2843	
			Mẫu nội dung quảng cáo được trình bày trên khổ giấy A4. Mẫu hình thức quảng cáo ngoài trời khổ lớn có thể trình bày trên khổ giấy A3 hoặc khổ giấy khác và ghi rõ tỷ lệ kích thước so với kích thước thật	000.00.00.G18-KQ2844	
			Kết quả giải quyết: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	KQ.G18.000033	
2	1.002600.000.00.17.H59	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm	000.00.00.G18-KQ1731	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Chủ tịch
			Giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc chủ sở hữu sản phẩm ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường được	000.00.00.G18-KQ1732	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			phân phối sản phẩm mỹ phẩm tại Việt Nam		UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới thủ tục hành chính lĩnh vực mỹ phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế
			Kết quả giải quyết: Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	KQ.G18.000034	
3	1.003055.000.0 0.17.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm	000.00.00.G18-KQ1949	
			Sơ đồ mặt bằng và thiết kế của cơ sở sản xuất	000.00.00.G18-KQ1950	
			Danh mục thiết bị hiện có của cơ sở sản xuất	000.00.00.G18-KQ1951	
			Kết quả giải quyết: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	KQ.G18.000031	
IV	Lĩnh vực: An toàn vệ sinh thực phẩm (01 TTHC)				
1	1.002425.000.0 0.17.H59	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Trường hợp được	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp	000.00.00.G18-KQ1554	Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới thủ tục
			Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	000.00.00.G18-KQ1553	
			Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	000.00.00.G18-KQ1551	
			Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh	000.00.00.G18-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền)	dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.	KQ1555	hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế
			Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở)	000.00.00.G18-KQ1552	
			Kết quả giải quyết: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	KQ.G18.000132	
V	Lĩnh vực: Y tế Dự phòng (04 TTHC)				
1	2.000655.000.0 0.17.H59	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Văn bản thông báo đủ điều kiện tiêm chủng theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	000.00.00.G18-KQ0596	Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	KQ.G18.000121	
2	1.003580.000.0 0.17.H59	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Bản tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.	000.00.00.G18-KQ3125	
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn sinh học	KQ.G18.000121	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	1.002944.000.0 0.17.H59	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất chế phẩm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	000.00.00.G18-KQ3273	và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực KBCB, YDCT, dược, mỹ phẩm, MTYT và DS-KHHGD thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế
			Sơ đồ mặt bằng nhà xưởng, kho	000.00.00.G18-KQ3275	
			Danh mục trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất và ứng cứu sự cố hóa chất	000.00.00.G18-KQ3276	
			Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	000.00.00.G18-KQ3274	
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	KQ.G18.000078	
4	1.002467.000.0 0.17.H59	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Văn bản công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ3277	
			Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	000.00.00.G18-KQ3278	
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	KQ.G18.000078	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
VI Lĩnh vực: Đào tạo (01 TTHC)					
1	1.004539.000.00.17.H59	Công bố cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.	Bản kê Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo định tại Điều 8 của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2596	
			Bản kê danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo định	000.00.00.G18-KQ2596	
			Bản công bố cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 111/2017/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ2595	
			Quy định số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) theo quy định	000.00.00.G18-KQ2596	
			Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo theo các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP phải được đóng dấu treo trên trang bìa của tài liệu và được đóng dấu giáp lai đối với trường hợp có nhiều trang tài liệu	000.00.00.G18-KQ2596	
			Bản kê danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi	000.00.00.G18-KQ2596	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			khoa phòng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo định		
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.	KQ.G18.000115	
VII Lĩnh vực: Thiết bị y tế (02 TTHC)					
1	1.003039.000.0 0.17.H59	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.	Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT	000.00.00.G18-KQ003724	Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trang thiết bị y tế thuộc thẩm quyền giải quyết
			Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D theo Mẫu số 04 thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT	000.00.00.G18-KQ003723	
			Văn bản phân công, bổ nhiệm người phụ trách chuyên môn của cơ sở sản xuất, kèm theo bản xác nhận thời gian công tác theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP và văn bằng, chứng chỉ đã qua đào tạo của người phụ trách chuyên môn	000.00.00.G18-KQ003725	
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố	KQ.G18.000116	
2	1.003006.000.0	Công bố đủ điều kiện	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu	000.00.00.G18-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
	0.17.H59	sản xuất trang thiết bị y tế	số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT	KQ003709	của Sở Y tế
			Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 được cấp bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật	000.00.00.G18-KQ003710	
			Các giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 98/2021/NĐ-CP	000.00.00.G18-KQ003711	
			Kết quả giải quyết: văn bản công bố	KQ.G18.000116	
VIII Lĩnh vực: Giám định y khoa (10 TTHC)					
1.	1.003691.000.0 0.17.H59	Khám GĐYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học	Riêng đối với đối tượng mắc bệnh quy định tại Khoản 10 Điều 7 Thông tư số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 (bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp) chỉ cần có giấy tờ có giá trị pháp lý được xác lập trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên, được Sở LĐTBXH sao và xác nhận, không cần giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10	000.00.00.G18-KQ2217	Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc Về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc
			Giấy giới thiệu của Sở LĐTBXH theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016, do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở	000.00.00.G18-KQ2214	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			LĐTBXH ký tên và đóng dấu		phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh
			Bản tóm tắt quá trình điều trị ngoại trú của bệnh viện công lập từ tuyến huyện trở lên hoặc Bản tóm tắt quá trình điều trị ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016	000.00.00.G18-KQ2216	
			Bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của bệnh viện công lập từ tuyến huyện trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016	000.00.00.G18-KQ2215	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
	1.003662.000.0 0.17.H59	Khám GĐYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học	Bản tóm tắt quá trình điều trị ngoại trú của bệnh viện công lập từ tuyến huyện trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 đối với đối tượng đã được khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật có trong Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016	000.00.00.G18-KQ2191	
			Bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của bệnh viện công lập từ tuyến huyện trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư	000.00.00.G18-KQ2190	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 đối với đối tượng đã được khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật có trong Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016</p> <p>Giấy giới thiệu của Sở LĐTBXH theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016, do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở LĐTBXH ký tên và đóng dấu</p> <p>Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế công lập từ tuyến xã, phường, thị trấn trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 đối với đối tượng chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật có trong Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016</p> <p>Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa</p>	<p>000.00.00.G18-KQ2189</p> <p>000.00.00.G18-KQ2192</p> <p>KQ.G18.000057</p>	
2.	1.002706.000.00.17.H59	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động cho người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT đối với trường hợp người bị tai nạn lao động thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định	000.00.00.G18-KQ003995	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế (nơi đã cấp cứu, điều trị cho người lao động) cấp theo mẫu quy định	000.00.00.G18-KQ1780	
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư liên tịch số 12/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 21 tháng 5 năm 2012 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế hướng dẫn việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động	000.00.00.G18-KQ1781	
			Giấy ra viện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án. Trường hợp người lao động không điều trị nội trú hoặc ngoại trú thì phải có giấy tờ về khám, điều trị thương tật phù hợp với thời điểm xảy ra tai nạn lao động và tổn thương đề nghị giám định.	000.00.00.G18-KQ003996	
			Một trong các giấy tờ có ảnh sau đây: Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu còn hiệu lực. Trường hợp không có các giấy tờ nêu trên thì phải có Giấy xác nhận của Công an cấp xã có dán ảnh, đóng giáp lai trên ảnh và được cấp trong thời gian không quá 03 tháng tính đến thời điểm đề nghị khám giám định	000.00.00.G18-KQ1783	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
3.	1.002694.000.0 0.17.H59	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề	Một trong các giấy tờ có ảnh sau đây: Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu	000.00.00.G18-KQ004017	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		nghiệp cho người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	<p>còn hiệu lực. Trường hợp không có các giấy tờ nêu trên thì phải có Giấy xác nhận của Công an cấp xã có dán ảnh, đóng giáp lai trên ảnh và được cấp trong thời gian không quá 03 tháng tính đến thời điểm đề nghị khám giám định</p> <p>Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT đối với trường hợp người bị tai nạn lao động thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định</p> <p>Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án điều trị bệnh nghề nghiệp của người lao động có liên quan đến bệnh nghề nghiệp (nếu có).</p> <p>Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Hồ sơ bệnh nghề nghiệp</p> <p>Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa</p>	<p>000.00.00.G18-KQ004014</p> <p>000.00.00.G18-KQ004016</p> <p>000.00.00.G18-KQ004015</p> <p>KQ.G18.000057</p>	
4.	1.002671.000.00.17.H59	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí cho người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	<p>Một trong các giấy tờ có ảnh sau đây: Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu còn hiệu lực. Trường hợp không có các giấy tờ nêu trên thì phải có Giấy xác nhận của Công an cấp xã có dán ảnh, đóng giáp lai trên ảnh và được cấp trong thời gian không quá 03 tháng tính đến thời điểm đề nghị khám giám định</p> <p>Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo</p>	<p>000.00.00.G18-KQ003999</p> <p>000.00.00.G18-</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT đối với trường hợp người bị tai nạn lao động thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định	KQ003997	
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ của một hoặc nhiều các giấy tờ khám, điều trị bệnh, tật sau đây: Tóm tắt hồ sơ bệnh án (Bệnh án sản khoa hoặc bệnh khác), Giấy xác nhận khuyết tật, Giấy ra viện, sổ khám bệnh, bản sao Hồ sơ bệnh nghề nghiệp, Biên bản giám định bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động đối với người đã được khám giám định bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động	000.00.00.G18-KQ003998	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
5.	1.002168.000.00.17.H59	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Một trong các giấy tờ có ảnh sau đây: Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu còn hiệu lực. Trường hợp không có các giấy tờ nêu trên thì phải có Giấy xác nhận của Công an cấp xã có dán ảnh, đóng giáp lai trên ảnh và được cấp trong thời gian không quá 03 tháng tính đến thời điểm đề nghị khám giám định	000.00.00.G18-KQ004007	
			Bản chính hoặc bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ sau đây: - Tóm tắt hồ sơ bệnh án; - Giấy xác nhận khuyết tật; - Giấy ra viện; - Sổ khám	000.00.00.G18-KQ004006	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>bệnh; - Phiếu khám bệnh; - Phiếu kết quả cận lâm sàng; - Đơn thuốc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Hồ sơ bệnh nghề nghiệp; - Biên bản giám định y khoa lần gần nhất đối với người đã được khám giám định;</p> <p>Giấy đề nghị khám giám định của người lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT đối với trường hợp người lao động không còn làm nghề, công việc có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp mà phát hiện mắc bệnh nghề nghiệp trong thời gian bảo đảm của bệnh, bao gồm cả người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, người lao động đã có quyết định nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp hằng tháng và người lao động đang hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng</p> <p>Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa</p>	<p>000.00.00.G18-KQ004005</p> <p>KQ.G18.000057</p>	
6.	1.002118.000.00.17.H59	Khám giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	<p>Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT đối với trường hợp người bị tai nạn lao động thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định</p> <p>Các giấy tờ khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 hoặc Điều 6 Thông tư số 56/2017/TT-BYT phù hợp với đối tượng và loại hình giám</p>	<p>000.00.00.G18-KQ004022</p> <p>000.00.00.G18-KQ004024</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>định</p> <p>Một trong các giấy tờ có ảnh sau đây: Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu còn hiệu lực. Trường hợp không có các giấy tờ nêu trên thì phải có Giấy xác nhận của Công an cấp xã có dán ảnh, đóng giáp lai trên ảnh và được cấp trong thời gian không quá 03 tháng tính đến thời điểm đề nghị khám giám định</p> <p>Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản giám định y khoa lần gần nhất nếu đã được giám định</p> <p>Kết quả giải quyết : Biên bản Giám định y khoa</p>	<p>000.00.00.G18-KQ004025</p> <p>000.00.00.G18-KQ004023</p> <p>KQ.G18.000057</p>	
	1.000281.000.00.00.H59	Khám giám định đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật.	<p>Giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân (UBND) xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND xã) nơi đối tượng cư trú đề nghị khám giám định khuyết tật, có dán ảnh của đối tượng và đóng dấu giáp lai của UBND xã nơi đối tượng cư trú</p> <p>Biên bản xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng Giám định y khoa lần gần nhất (nếu có)</p> <p>Bản sao Biên bản họp của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, trong biên bản ghi rõ Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật.</p> <p>Bản sao các giấy tờ khám bệnh, chữa bệnh, tật: Giấy ra viện, giấy phẫu thuật và các giấy tờ liên quan khác (nếu có).</p> <p>Trường hợp đối tượng sống ở Trung tâm nuôi</p>	<p>000.00.00.G18-KQ0348</p> <p>000.00.00.G18-KQ0352</p> <p>000.00.00.G18-KQ0349</p> <p>000.00.00.G18-KQ0351</p> <p>000.00.00.G18-</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			dưỡng phải có giấy xác nhận, trong giấy xác nhận ghi rõ họ tên, tuổi, dán ảnh đối tượng, đóng dấu giáp lai của Trung tâm và Trung tâm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận đó.	KQ0350	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
7.	1.002412.000.0 0.17.H59	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát cho thương binh	Văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đồng ý để đối tượng được khám giám định vết thương tái phát	000.00.00.G18-KQ1516	
			Giấy đề nghị khám giám định của người đi khám có xác nhận của UBND xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đi khám đang làm việc.	000.00.00.G18-KQ1520	
			Bản tóm tắt bệnh án hoặc Giấy ra viện sau khi điều trị thương tật tái phát của bệnh viện tuyến huyện hoặc tương đương trở lên, do Lãnh đạo hoặc người được ủy quyền ký tên, đóng dấu hợp pháp của bệnh viện	000.00.00.G18-KQ1519	
			Bản sao Giấy chứng nhận bị thương do Lãnh đạo Sở ký xác nhận, đóng dấu. Trường hợp đối tượng đã là thương binh thì thay bằng bản chính Bản trích lục hồ sơ thương binh	000.00.00.G18-KQ1517	
			Bản chính Giấy giới thiệu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội do Lãnh đạo Sở ký tên và đóng dấu. Giấy giới thiệu phải ghi rõ đối tượng khám giám định vết thương tái phát và ghi rõ vết	000.00.00.G18-KQ1515	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			thương tái phát.		
			Bản sao Biên bản khám GDYK của Hội đồng GDYK đã khám xác định tỷ lệ % TTCT do thương tật lần gần nhất, được Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký tên và đóng dấu	000.00.00.G18-KQ1518	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
8.	1.002405.000.00.17.H59	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót cho thương binh	Một trong các giấy tờ sau: Kết quả chụp X-quang; Kết quả chụp cắt lớp vi tính; Giấy chứng nhận phẫu thuật (đối với trường hợp đã phẫu thuật, thủ thuật lấy dị vật); Giấy ra viện điều trị vết thương còn sót (nếu có). Giấy tờ nêu trên phải do Giám đốc hoặc người được ủy quyền ký tên, đóng dấu của bệnh viện (dấu sử dụng trong giao dịch chính thức của bệnh viện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu. Sau đây gọi tắt là dấu hợp pháp của bệnh viện).	000.00.00.G18-KQ1513	
			Giấy đề nghị khám giám định của người đi khám có xác nhận của UBND xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đi khám đang làm việc.	000.00.00.G18-KQ1514	
			Bản sao Giấy chứng nhận bị thương do Lãnh đạo Sở ký xác nhận, đóng dấu. Trường hợp đối tượng đã là thương binh thì thay bằng bản chính Bản trích lục hồ sơ thương binh	000.00.00.G18-KQ1512	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Cổng DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bản chính Giấy giới thiệu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội do Lãnh đạo Sở ký tên và đóng dấu. Giấy giới thiệu phải ghi rõ đối tượng khám giám định vết thương còn sót, đồng thời ghi rõ vết thương còn sót và/hoặc vị trí mảnh kim khí trong cơ thể cần khám giám định	000.00.00.G18-KQ1511	
			Bản sao Biên bản khám GDYK của Hội đồng GDYK đã khám xác định tỷ lệ % TTCT do thương tật lần gần nhất, được Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký tên và đóng dấu	000.00.00.G18-KQ1512	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
9.	1.000278	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Giấy giới thiệu của UBND xã nơi đối tượng cư trú đề nghị khám giám định khuyết tật, trong giấy giới thiệu ghi rõ đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, có dán ảnh của đối tượng và đóng dấu giáp lai của UBND xã nơi đối tượng đang cư trú.	000.00.00.G18-KQ0330	
			Bản sao Biên bản họp của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.	000.00.00.G18-KQ0331	
			Bản sao các giấy tờ khám bệnh, chữa bệnh, tật: Giấy ra viện, giấy phẫu thuật và các giấy tờ liên quan khác (nếu có).	000.00.00.G18-KQ0345	
			Biên bản xác định mức độ khuyết tật của Hội	000.00.00.G18-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			đồng Giám định y khoa gần nhất (nếu có).	KQ0346	
			Giấy kiến nghị của người khuyết tật về kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.	000.00.00.G18-KQ0347	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	
10.	1.002392.000.00.17.H59	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương cho thương binh	Giấy đề nghị khám giám định của người đi khám có xác nhận của UBND xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đi khám đang làm việc.	000.00.00.G18-KQ1488	
			Bản sao Giấy chứng nhận bị thương của lần bị thương gần nhất (chưa giám định) do Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký tên và đóng dấu	000.00.00.G18-KQ1489	
			Bản chính Giấy giới thiệu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội do Lãnh đạo Sở ký tên và đóng dấu. Giấy giới thiệu phải ghi rõ đối tượng khám giám định bổ sung vết thương	000.00.00.G18-KQ1487	
			Bản sao Biên bản khám GĐYK của Hội đồng GĐYK đã khám xác định tỷ lệ % TTCT do thương tật gần nhất do Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký tên và đóng dấu	000.00.00.G18-KQ1490	
			Kết quả giải quyết: Biên bản Giám định y khoa	KQ.G18.000057	